

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-PT

Ngày 17 - 6 - 2021

V/v: “TC HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến;
Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 189/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2021/QĐPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: 1. Trần Hữu H1

2. Nguyễn Thị M

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Cùng có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Ngọc H2

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Trần Văn B

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Trần Hữu H1 và Nguyễn Thị M, là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Các bị đơn là ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, cụ thể: Năm 2014 vay số tiền 35.000.000đ, không có làm biên nhận, đến năm 2017 trả được 28.000.000đ, còn nợ lại 7.000.000đ; ngày 02 tháng 3 năm 2016 vay số tiền 30.000.000đ, có làm biên nhận, lãi suất theo lãi suất ngân hàng, chưa trả được khoản nào; ngày 12 tháng 3 năm 2016 vay thêm số tiền 20.000.000đ, có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất theo quy định của nhà nước, chưa trả được khoản nào. Tổng cộng các bị đơn đã nợ nguyên đơn số nợ gốc là 57.000.000đ.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 57.000.000đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày vay đối với khoản vay 30.000.000đ ngày 02 tháng 3 năm 2016 và khoản vay 20.000.000đ ngày 12 tháng 3 năm 2016, riêng khoản nợ 7.000.000đ còn lại của khoản vay năm 2014 là nợ cũ còn lại nên không yêu cầu tính lãi.

Các bị đơn là ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M thống nhất trình bày: Năm 2008 vợ chồng ông, bà có nhờ nguyên đơn hỏi vay số tiền 20.000.000đ, không làm biên nhận nợ, đã trả vốn và lãi cho bà H nhưng không nhớ thời gian trả. Đến năm 2014 ông, bà nhờ nguyên đơn hỏi vay thêm số tiền 30.000.000đ, không làm biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất là 100.000đ/tháng, ông, bà đã trả cho nguyên đơn 28.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 7.000.00đ.

Các bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 7.000.000đ còn nợ của khoản vay 30.000.000đ vào năm 2014. Đối với các khoản vay năm 2016 với số tiền 50.000.000đ không đồng ý trả, do các bị đơn không vay các khoản này, không ký tên trong 02 biên nhận nợ ngày 02 tháng 3 năm 2016 và ngày 12 tháng 3 năm 2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Ngọc H2 trình bày: Việc các bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000đ là đúng nhưng bà không nhớ thời gian cụ thể, do không có tiền đóng lãi nên nguyên đơn nhập số tiền lãi 5.000.000đ vào vốn tổng cộng là 35.000.000đ. Khi bà sang đất của ông H1, bà có đứng ra trả cho bà H số tiền trên thay cho ông H1. Còn lại số tiền lãi 7.000.000đ thì bà không trả mà để lại cho ông H1 nên ông H1 còn thiếu nguyên đơn số tiền 7.000.000đ. Đối với số tiền 50.000.000đ nguyên đơn yêu cầu thì bà không biết.

Người làm chứng là ông Trần Văn B trình bày: Ông có biết các bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ, trong đó có khoản vay 30.000.000đ ngày 02 tháng 3 năm 2016 là do ông viết biên nhận cho các bị đơn ký.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 189/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

2. Buộc các bị đơn Trần Hữu H1, Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị H số tiền tổng cộng là 78.733.833đồng (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng); Trong đó: Tiền vay 57.000.000đồng (Năm mươi bảy triệu đồng), tiền lãi của khoản vay 50.000.000đồng là 21.733.833đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu H1, bà Nguyễn Thị M phải nộp 3.768.000đồng (Ba triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000632 ngày 02/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, các bị đơn là ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản vay 30.000.000đ ngày 02 tháng 3 năm 2016 và 20.000.000đ ngày 12 tháng 3 năm 2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, sửa án sơ thẩm về phần án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án của các bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị đơn là đúng với quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, các bị đơn cùng cư trú tại thị xã C, tỉnh Hậu Giang nên cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với khoản nợ 7.000.000đ còn lại của khoản vay 35.000.000đ vào năm 2014 được các bị đơn thừa nhận và đồng ý trả, không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với các khoản nợ 30.000.000đ vay ngày 02 tháng 3 năm 2016 và 20.000.000đ vay ngày 12 tháng 3 năm 2016 được phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh là 02 biên nhận nợ lập ngày 02 tháng 3 năm 2016 và ngày 12 tháng 3 năm 2016, có chữ ký của các bị đơn tại mục “Người nhận tiền” và mục “Người chia tiền vay”. Tuy nhiên, các bị đơn không thừa nhận 02 khoản nợ này và không thừa nhận chữ ký trong 02 biên nhận do nguyên đơn cung cấp là do các bị đơn ký ra, đồng thời yêu cầu giám định chữ ký và cung cấp mẫu chữ ký của các bị đơn để tiến hành giám định. Tại Kết luận giám định số 2187/C09B ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh cũng đã kết luận chữ ký của các bị đơn tại các biên nhận ngày 02 tháng 3 năm 2016 và ngày 12 tháng 3 năm 2016 so với mẫu chữ ký của các bị đơn là do cùng một người ký ra. Mặt khác, người làm chứng Trần Văn B (là cha ruột của bị đơn Trần Hữu H1) xác định có biết các bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ vào năm 2016, trong đó có biên nhận 30.000.000đ vào ngày 02 tháng 3 năm 2016 là do ông viết và các bị đơn ký tên. Do đó, đã có căn cứ chứng minh các khoản nợ 30.000.000đ vay ngày 02 tháng 3 năm 2016 và 20.000.000đ vay ngày 12 tháng 3 năm 2016 là do các bị đơn xác lập với nguyên đơn.

Về lãi suất, theo nội dung các biên nhận ngày 02 tháng 3 năm 2016 và ngày 12 tháng 3 năm 2016 đều thể hiện có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất cụ thể. Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*, tức là không vượt quá 10%/năm, tương ứng với 0,833%/tháng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất là 0,58%/tháng tính từ ngày vay đến ngày 30 thán 6 năm 2017 và 0,83% tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm để buộc các bị đơn trả 21.733.833đ tiền lãi là đã có lợi cho các bị đơn.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 78.733.833đ, bao gồm 57.000.000đ nợ gốc và 21.733.833đ nợ lãi là phù hợp, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

[4] Tuy nhiên, xét cấp sơ thẩm buộc các bị đơn đóng án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 3.768.000đ là không đúng, có sai sót. Lẽ ra cần buộc các bị đơn phải chịu án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là 78.733.833đ x 5% = 3.936.691đ (tính tròn là 3.936.000đ). Mặt khác, cấp sơ thẩm tuyên bên phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là chưa phù hợp, bởi lẽ: Hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là hợp đồng vay có lãi nên trong phần quyết định của bản án phải tuyên theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01

năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, cụ thể là: “*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật*”. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm và phần nghĩa vụ chịu tiền lãi đối với số tiền phải thi hành của bên phải thi hành án.

[5] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm và phần quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án của bên phải thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; các điều 147 và 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về chi phí giám định: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của các bị đơn là không có căn cứ nên các bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, các điều 147, 148 và 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn Trần Hữu H1 và Nguyễn Thị M. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 189/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H. Buộc ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 78.733.833đ (bảy mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng), nợ lãi là 21.733.833đ (hai mươi một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Về án phí và chi phí giám định:

2.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005163 ngày 30 tháng 12 năm 2020 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005218 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M phải nộp 3.936.000đ (ba triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000đ (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000632 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

2.3. Chi phí giám định: Ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M phải nộp 3.021.000đ (ba triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng), khấu trừ từ số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo phiếu thu ngày 30 tháng 3 năm 2021, còn lại 1.979.000đ (một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng) giao trả cho ông Trần Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hữu Thắng